

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài
thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 26/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng vốn

tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Hợp tác quốc tế, Pháp chế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, KHTC.

Q. BỘ TRƯỞNG

Trần Đức Thắng

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá, nghiệm thu, bàn giao kết quả, xử lý tài sản và quyết toán các chương trình, dự án, hoạt động (sau đây viết tắt là dự án) có sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Vốn tài trợ nước ngoài quy định tại Quy chế này bao gồm vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các nhà tài trợ nước ngoài dành cho Việt Nam; viện trợ về pháp luật và cải cách tư pháp.

3. Quy chế này áp dụng cho tất cả các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng vốn tài trợ nước ngoài

1. Các hoạt động liên quan đến quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài do các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng phải căn cứ vào các quy hoạch, chiến lược phát triển ngành hoặc lĩnh vực; kế hoạch trung hạn, dài hạn, định hướng ưu tiên trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và năng lực tiếp nhận vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và sử dụng vốn tài trợ của đơn vị đề xuất.

3. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng Định hướng ưu tiên thu hút vốn tài trợ nước ngoài và hợp tác với nhà tài trợ nước ngoài 05 năm trình Bộ trưởng xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện.

4. Các dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện triển khai thực hiện.

5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ quản của tất cả các dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài do Bộ quản lý.

6. Các dự án chuyên ngành thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ do các đơn vị thuộc Bộ làm chủ dự án; các dự án khác do các đơn vị thuộc khối Văn phòng Bộ thực hiện sẽ do Văn phòng Bộ làm chủ dự án và báo cáo Thứ trưởng trực tiếp phụ trách đơn vị thuộc khối Văn phòng Bộ để chỉ đạo, giải quyết.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 3. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi

a) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

Trên cơ sở trao đổi, thống nhất với nhà tài trợ, đơn vị đề xuất dự án phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị liên quan lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Đối với dự án có quy mô lớn, tính chất phức tạp và liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị trong và ngoài Bộ phải thành lập tổ chuẩn bị dự án để xây dựng và hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan báo cáo Bộ trưởng thành lập tổ chuẩn bị dự án; xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ phụ trách, hướng dẫn đơn vị hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

b) Thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi

Thực hiện theo quy định của Chính phủ và quy chế quản lý dự án đầu tư công của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 4. Các hoạt động thực hiện trước

1. Sau khi chủ trương đầu tư dự án được phê duyệt, trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ, chủ dự án báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường các hoạt động thực hiện trước (nếu có).

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định hoặc giao chủ dự án quyết định các hoạt động thực hiện trước theo quy định hiện hành.

Điều 5. Lập, thẩm định, quyết định đầu tư

a) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

- Đối với dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi: Căn cứ quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi theo quy định

tại khoản 4 Điều 65 Luật Đầu tư công, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

- Đối với dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại: Trên cơ sở trao đổi, thống nhất với nhà tài trợ, đơn vị đề xuất dự án phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị liên quan lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại theo quy định tại khoản 4 Điều 65 Luật Đầu tư công; Văn kiện dự án đầu tư sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ phụ trách, hướng dẫn đơn vị hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Văn kiện dự án đầu tư sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức.

b) Thẩm định, quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi

Trình tự thẩm định, quyết định đầu tư dự án thực hiện theo quy định của Chính phủ và quy chế quản lý dự án đầu tư công của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG THỰC HIỆN VÀ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT VĂN KIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Điều 6. Lập Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật

1. Trên cơ sở trao đổi, thống nhất với nhà tài trợ, đơn vị đề xuất dự án có văn bản trình Bộ trưởng đề nghị lập Văn kiện dự án. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ đề nghị lập Văn kiện dự án bao gồm:

- a) Văn bản trình Bộ trưởng đề nghị lập Văn kiện dự án;
- b) Đề cương dự án;
- c) Thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ;
- d) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

3. Sau khi được Bộ trưởng chấp thuận, đơn vị đề xuất dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập Văn kiện dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại theo mẫu quy định của Chính phủ, Văn kiện dự án sử dụng vốn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức theo Phụ lục I, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, Văn kiện phi dự án sử dụng vốn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức theo Phụ lục III, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 7. Thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật

1. Trường hợp dự án phải phê duyệt chủ trương thực hiện: Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, báo cáo Lãnh đạo Bộ gửi Bộ Tài chính văn bản kèm theo Văn kiện dự án; trình Bộ trưởng phê duyệt Văn kiện sau khi dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương thực hiện.

2. Trường hợp dự án không phải phê duyệt chủ trương thực hiện: Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan thẩm định văn kiện dự án. Thời gian thẩm định không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị liên quan và thời gian giải trình, hoàn thiện Văn kiện dự án của chủ dự án (nếu có). Nội dung thẩm định theo quy định của Chính phủ.

Trường hợp dự án hỗ trợ kỹ thuật có nội dung hợp tác quốc tế về pháp luật phải có ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế trước khi trình Bộ trưởng phê duyệt.

Chương IV

KÝ KẾT, ĐIỀU CHỈNH, GIA HẠN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỎA THUẬN VỀ VỐN TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 8. Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế cấp Nhà nước, Chính phủ

1. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với chủ dự án, các đơn vị, cơ quan trong nước và quốc tế có liên quan chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và thành phần tham gia đàm phán, ký kết, điều chỉnh, gia hạn điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về vốn hỗ trợ nước ngoài trình Bộ trưởng, gửi cơ quan có thẩm quyền theo trình tự và thủ tục theo quy định về Thỏa thuận quốc tế, Điều ước quốc tế và các quy định khác có liên quan.

2. Vụ Hợp tác quốc tế tổng hợp báo cáo Bộ về kết quả ký kết và tiến độ triển khai thực hiện các cam kết.

Điều 9. Thỏa thuận cấp Bộ

1. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với chủ dự án, các đơn vị và nhà tài trợ chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và thành phần tham gia đàm phán, ký kết, điều chỉnh, gia hạn thỏa thuận quốc tế trình Bộ trưởng để tiến hành ký kết, điều chỉnh, gia hạn thỏa thuận quốc tế, theo trình tự và thủ tục tại các quy định về thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế và các quy định khác có liên quan.

2. Vụ Hợp tác quốc tế tổng hợp báo cáo Bộ về kết quả ký kết và tiến độ triển khai thực hiện các cam kết.

Điều 10. Thỏa thuận/Văn kiện thực hiện dự án

Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì và phối hợp với chủ dự án, các đơn vị rà soát nội dung thỏa thuận, đàm phán với nhà tài trợ để thống nhất nội dung giữa văn kiện đã được Bộ trưởng phê duyệt và thỏa thuận/văn kiện thực hiện dự án, trình Bộ trưởng cho phép ký thỏa thuận/văn kiện thực hiện dự án với nhà tài trợ.

Chương V

QUẢN LÝ, HOÀN THÀNH VÀ CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 11. Hình thức tổ chức quản lý dự án

1. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng

và Quy chế quản lý dự án đầu tư công của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Trường hợp còn lại, căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án của chủ dự án, quy định về tổ chức quản lý vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của nhà tài trợ nước ngoài, Bộ trưởng quyết định lựa chọn hình thức quản lý dự án theo quy định hiện hành.

Điều 12. Ban quản lý dự án

1. Đối với dự án do Bộ quyết định thành lập Ban quản lý dự án, Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với chủ dự án và các đơn vị chức năng có liên quan, trình Bộ trưởng quyết định.

2. Trường hợp khác, chủ dự án quyết định thành lập Ban quản lý dự án theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án, chủ dự án sử dụng pháp nhân của mình để trực tiếp quản lý thực hiện dự án. Chủ dự án phải có quyết định bằng văn bản phân công và giao nhiệm vụ bổ sung cho đơn vị, cá nhân trực thuộc thực hiện các hoạt động quản lý chương trình, dự án theo quy định hiện hành của pháp luật, theo đó tối thiểu phải có một cán bộ đầu mối về quản lý và một cán bộ đầu mối theo dõi tài chính, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách và phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí đảm nhận.

Điều 13. Ban chỉ đạo dự án

1. Ban chỉ đạo dự án được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét thành lập đối với dự án có quy mô lớn, tính chất phức tạp và liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị trong và ngoài Bộ hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ. Trưởng ban là một Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường; thành phần Ban chỉ đạo dự án là đại diện lãnh đạo của các Vụ: Hợp tác quốc tế, Kế hoạch - Tài chính và cơ quan, đơn vị có liên quan; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chỉ đạo dự án quy định cụ thể trong quyết định thành lập.

2. Sau khi nhận được quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án đầu tư) hoặc quyết định phê duyệt Văn kiện dự án (đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật), chủ dự án gửi văn bản trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt việc thành lập Ban chỉ đạo dự án.

3. Hồ sơ trình phê duyệt thành lập Ban chỉ đạo dự án bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị thành lập Ban chỉ đạo dự án.
- b) Văn bản cử cán bộ tham gia Ban chỉ đạo dự án của các cơ quan, đơn vị liên quan.

4. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng quyết định thành lập Ban chỉ đạo dự án.

Điều 14. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể, kế hoạch thực hiện hằng năm dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng

1. Đối với các dự án đầu tư công: Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng xem xét phê duyệt kế hoạch tổng thể và kế hoạch thực hiện dự án hằng năm theo quy định.

2. Đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật: Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị liên quan thẩm định. Sau khi có ý kiến thống nhất của Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ Hợp tác quốc tế trình Bộ trưởng xem xét phê duyệt kế hoạch tổng thể cập nhật và kế hoạch thực hiện dự án hằng năm theo quy định.

Điều 15. Dừng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài

1. Đối với dự án đầu tư công:

- Đối với dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư, nhưng chưa phê duyệt quyết định đầu tư, Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng xem xét, quyết định dừng dự án và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư nhưng chưa triển khai thực hiện, đơn vị được giao chủ trì thẩm định, trình Bộ trưởng quyết định đầu tư phối hợp với Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ Hợp tác quốc tế trình Bộ trưởng xem xét, quyết định dừng dự án và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với dự án trong giai đoạn thực hiện, trên cơ sở đề xuất của chủ dự án, Vụ Kế hoạch – Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan, báo cáo Bộ trưởng thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 66, Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật: Trên cơ sở đề xuất của chủ dự án, Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với các đơn vị liên quan, báo cáo Bộ trưởng theo quy định.

Điều 16. Vốn dư của dự án ODA, vay ưu đãi

1. Đối với các dự án đầu tư công:

- Trường hợp sử dụng vốn dư để phát huy hiệu quả của dự án đang triển khai, Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, trình Bộ trưởng điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh quyết định đầu tư theo quy định trên cơ sở đề nghị của chủ dự án.

- Trường hợp sử dụng vốn dư để thực hiện dự án mới, Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, trình Bộ trưởng quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư theo quy định.

2. Đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật:

Trường hợp sử dụng vốn dư để phát huy hiệu quả của dự án đang triển khai hoặc thực hiện dự án mới, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, trình Bộ trưởng hoặc báo cáo Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền theo quy định trên cơ sở đề nghị của chủ dự án.

3. Trường hợp hủy vốn vay dư, Vụ Kế hoạch – Tài chính báo cáo Bộ trưởng ký văn bản đề nghị Bộ Tài chính hủy vốn dư của dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Nghiệm thu, bàn giao

1. Đối với dự án đầu tư công, việc nghiệm thu, bàn giao, quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng, quy chế quản lý đầu tư công của Bộ và điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

2. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, chủ dự án thực hiện nghiệm thu theo trình tự, thủ tục được quy định tại quy chế quản lý nhiệm vụ chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và quy định của nhà tài trợ. Trong đó, Báo cáo kết thúc dự án thay thế Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong hồ sơ nghiệm thu.

Trường hợp cần thiết, dự án do cơ quan chủ quản nghiệm thu, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo Bộ tổ chức nghiệm thu và quyết định nghiệm thu dự án.

Điều 18. Giám sát, đánh giá dự án

1. Nội dung, trách nhiệm giám sát, đánh giá dự án của cơ quan chủ quản và chủ dự án thực hiện theo quy định hiện hành về giám sát, đánh giá đầu tư và quy định về kiểm tra, nghiệm thu của các lĩnh vực quản lý chuyên môn thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Việc giám sát, đánh giá thuộc trách nhiệm của cơ quan chủ quản: đối với dự án đầu tư, Vụ Kế hoạch – Tài chính phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị liên quan khác tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện và sự tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam, quy định của nhà tài trợ về quản lý dự án ít nhất mỗi năm một lần. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị liên quan thực hiện giám sát, đánh giá theo quy định.

3. Kinh phí cho việc giám sát và đánh giá đầu tư dự án được bố trí từ nguồn vốn tài trợ nước ngoài hoặc vốn đối ứng và phải được xác định trong văn kiện dự án.

Điều 19. Báo cáo thực hiện dự án

Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì lập báo cáo về tình hình vận động, phê duyệt, ký kết, các dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài; tình hình thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn tài trợ nước ngoài; tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, trình Lãnh đạo Bộ để gửi các cơ quan liên quan theo quy định hiện hành.

Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, báo cáo về tình hình bố trí vốn, tình hình thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư công sử dụng vốn tài trợ nước ngoài.

Các Cục, Vụ liên quan phối hợp báo cáo, cung cấp thông tin.

Chương VI.

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH DỰ ÁN

Điều 20. Vốn đối ứng và vốn tài trợ

1. Vốn đối ứng

a) Trong quyết định phê duyệt văn kiện dự án phải xác định rõ về mức vốn, nguồn vốn đối ứng đóng góp bằng tiền và hiện vật trong dự án theo nguyên tắc ngân sách Trung ương đảm bảo vốn đối ứng cho các dự án hoặc hợp phần dự án do các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường là chủ dự án trực tiếp quản lý và thực hiện. Trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác thì thực hiện theo điều ước quốc tế.

b) Căn cứ văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Vụ Kế hoạch - Tài chính dự kiến cân đối vốn đối ứng trong kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

c) Việc lập, phê duyệt, điều chỉnh dự toán chi tiết hằng năm trong quản lý tài chính vốn đối ứng các dự án hỗ trợ kỹ thuật thực hiện theo quy chế quản lý tài chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức:

a) Vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức phải được hạch toán đầy đủ vào ngân sách và quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Cơ chế tài chính trong nước sử dụng các nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức cho dự án (cấp phát từ NSNN, cho vay lại từ NSNN, hoặc cấp phát một phần, cho vay lại một phần từ NSNN) và tính chất sử dụng vốn của dự án (dự án xây dựng cơ bản, dự án hành chính sự nghiệp, dự án cho vay lại/tín dụng hay dự án hỗn hợp cả cấu phần chi xây dựng cơ bản và cấu phần chi hành chính sự nghiệp) phải được xác định theo từng dự án và quy định trong quyết định phê duyệt văn kiện dự án.

c) Ngoại trừ những quy định theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thỏa thuận vay nước ngoài được ký kết, các khoản chi tiêu và mua sắm từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, đặc biệt đối với các khoản chi tiêu và mua sắm tại Việt Nam, phải do phía Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm.

Điều 21. Quản lý, xử lý tài sản khi kết thúc và quyết toán dự án

1. Việc quản lý tài sản, xử lý tài sản khi kết thúc dự án hình thành từ nguồn tài trợ nước ngoài được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Quyết toán dự án

a. Quyết toán năm: Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì quyết toán theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý tài chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

b. Quyết toán dự án hoàn thành:

- Đối với dự án đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý dự án

đầu tư công của Bộ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

- Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quy chế quản lý nhiệm vụ chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chương VII.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dự án hỗ trợ kỹ thuật đã được phê duyệt trước ngày Quy chế này có hiệu lực thì việc điều chỉnh phải thực hiện theo Quy chế này; dự án đầu tư công đã được phê duyệt trước ngày Quy chế này có hiệu lực thì việc điều chỉnh thực hiện quy chế quản lý dự án đầu tư công của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Đơn vị đã được Bộ giao chủ trì đang thực hiện thẩm định trước ngày Quy chế này có hiệu lực, báo cáo Lãnh đạo Bộ để tiếp tục chủ trì thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt (nếu cần thiết). Các công việc tiếp theo thực hiện theo quy định của Quy chế này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

4. Các quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trực thuộc Bộ khác với những nội dung nêu trên thì thực hiện theo quy chế này.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Vụ trưởng các Vụ: Hợp tác quốc tế, Kế hoạch - Tài chính, Pháp chế, Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ trong việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đúng các quy định trong Quy chế này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, trước pháp luật về việc thực hiện các dự án; trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề vướng mắc, các đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.